

Bản án số: 84/2020/HNGĐ-ST

Ngày 21-8-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị T, sinh năm 1981; địa chỉ: số 75 đường , khu phố B, phường A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Danh Th, sinh năm 1974; địa chỉ: số 75 đường A, khu phố B, phường A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 02 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Danh Th có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì tổ chức đám cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn vợ chồng thuê trọ chung sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, nhiều lần anh Th đánh đập chị nên chị đã chuyển ra ngoài ở. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Th không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Danh Th.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Danh Đức Th, sinh ngày 03/4/2006, Trần Thị Hoài Th1, sinh ngày 27/8/2009, hiện nay các con đang ở với chị T. Sau khi ly hôn chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trần Danh Th:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ vào các ngày 23/6/2020 và 13/7/2020; tham gia phiên tòa vào các ngày 15/7/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của chị T và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh Th do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tiến hành ngày 11/6/2020, Hội Liên hiệp phụ nữ cung cấp thông tin như sau: Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải hôn nhân giữa chị Phan Thị T và anh Trần Danh Th, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập và niêm yết hợp lệ đối với bị đơn anh Trần Danh Th tham gia phiên tòa vào các ngày 15/7/2020 và ngày 21/8/2020 nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, chị Phan Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 13/7/2020. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trần Danh Th là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 05/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Trần Danh Th đến cung cấp bản tự khai, trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T đề Tòa án tiến hành hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Th không có mặt. Chị T từ chối tham gia hòa giải vì xác định không còn tình cảm với anh Th. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh Th đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, anh Th nhiều lần đánh đập chị T nên chị đã chuyển ra ngoài ở. Quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập anh Th để hòa giải nhưng anh Th bỏ mặc không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị T. Anh chị đã có thời gian ly thân từ năm 2013 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau và không còn cùng nhau chăm sóc con chung, điều này cho thấy tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Danh Đức Th, sinh ngày 03/4/2006, Trần Thị Hoài Th1, sinh ngày 27/8/2009. Quá trình tố tụng anh Th không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng các con và cấp dưỡng, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con sau khi ly hôn vì từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con. Xét, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Quá trình vợ chồng sống ly thân chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến nay. Vì vậy, việc giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Danh Th (giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 05/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Bắc Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An).

2. Về con chung:

Anh Trần Danh Th giao 02 con chung tên Trần Danh Đức Th, sinh ngày 03/4/2006 và Trần Thị Hoài Th1, sinh ngày 27/8/2009 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Danh Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị T phải tạo điều kiện cho anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền ngăn cản anh Th thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040243 ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

Trần Thị Kim Hoa